

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Châu.
- Ông Nguyễn Tấn Tiền.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Cao Văn D, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Linh T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

(Ông D có đơn xin vắng mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Cao Văn D trình bày:

Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên ông D và bà T đi đến hôn nhân. Vợ chồng có tổ chức đám cưới năm 2014 và có đăng ký kết hôn ngày 03/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Long An. Trong thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến khoảng cuối năm 2023 thì có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà T không quan tâm chăm sóc gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông D cũng đã cố

gắng hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không được. Ông D và bà T đã ly thân khoảng hơn một năm nay. Nay ông D xác định tình cảm vợ chồng với bà T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Cao Văn D yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Linh T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông có 02 con chung tên Cao Gia H, sinh ngày 23/4/2012 và Cao Gia H1, sinh ngày 10/6/2014. Con chung tên Gia H hiện đang sống chung với bà T, con chung tên Gia H1 hiện đang sống chung với ông. Sau khi ly hôn, ông Cao Văn D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Cao Gia H1 và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông đồng ý giao con chung tên Cao Gia H cho bà Nguyễn Thị Linh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Gia H số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Linh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lời trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì bà Nguyễn Thị L Triều vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa ra vụ án xét xử.

Chứng cứ mà ông Cao Văn D cung cấp trong vụ án là: Bản sao Trích lục kết hôn, Bản sao Giấy khai sinh, Đơn xin xác nhận cư trú, Bản tự khai ngày 10/02/2025, Photo Căn cước công dân của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Cao Văn D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Linh T. Bà T cư trú tại ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông Cao Văn D vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại văn bản xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã L xác nhận bà Nguyễn Thị Linh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà T, bà T đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D và bà T.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của ông D, thấy rằng: Ông D và bà T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/3/2014 nên hôn nhân của ông D và bà T là hôn nhân hợp pháp. Theo ông D nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, bà T không quan tâm chăm sóc gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông D cũng đã cố gắng hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không được. Ông D và bà T đã ly thân khoảng hơn một năm nay. Nay ông D xác định tình cảm vợ chồng với bà T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Cao Văn D yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Linh T. Về phía bà T, từ khi ông D nộp đơn khởi kiện đến nay mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông D nhưng bà T cũng không có ý kiến gì, liên tiếp vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy bà T không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và gìn giữ cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà ông D đã trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông D và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D là phù hợp.

[3] Về con chung: Ông D trình bày vợ chồng ông có 02 con chung tên Cao Gia H, sinh ngày 23/4/2012 và Cao Gia H1, sinh ngày 10/6/2014. Con chung tên Gia H hiện đang sống chung với bà T, con chung tên Gia H1 hiện đang sống chung với ông. Sau khi ly hôn, ông Cao Văn D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Cao Gia H1. Ông đồng ý giao con chung tên Cao Gia H cho bà Nguyễn Thị Linh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, con chung tên Cao Gia H1 hiện đang sống với ông D, cuộc sống đã ổn định, cháu H1 vẫn phát triển bình thường và có nguyện vọng ở với ông D khi cha mẹ ly hôn, ông D có khả năng chăm sóc con chung tốt; con chung tên Cao Gia H hiện đang sống chung với bà Nguyễn Thị Linh T và có nguyện vọng ở với bà T khi cha mẹ ly hôn, ông D cũng đồng ý giao con chung tên Gia H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu nuôi con của ông D nhưng không có ý kiến phản hồi gì. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung tên Gia H1 cho ông D được trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Gia H cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông D không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung tên Gia H1 và ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Gia H số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà Nguyễn Thị L Triều không phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Gia H1 do ông D không yêu cầu, ông Cao Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Gia H số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Trong vụ án này, ông D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Cho đến nay, bà T không có ý kiến về phần tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về nợ chung: Cho đến nay không có ai khởi kiện về việc nợ chung của ông D, bà T nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Ông Cao Văn D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn D về việc *ly hôn, tranh chấp về nuôi con* với bà Nguyễn Thị Linh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Cao Văn D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Linh T.

2. Về con chung: Ông Cao Văn D được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Cao Gia H1, sinh ngày 10/6/2014. Bà Nguyễn Thị Linh T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Cao Gia H, sinh ngày 23/4/2012. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị L Triều không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Cao Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Cao Gia H số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc ông Cao Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009420 ngày 25/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa. Ông Cao Văn D còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã Long Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Quân